

KIM CƯƠNG GIỚI MAN ĐA LA

Phẩm III

TAM MUỘI GIA HỘI

SAMAYA-MANḌALA



Biên soạn: HUYỀN THANH

Bản cập nhật tháng 11/2014

Kinh Mật Giáo: <http://kinhmatgiao.wordpress.com>

TAM MUỘI GIA HỘI (Samaya)

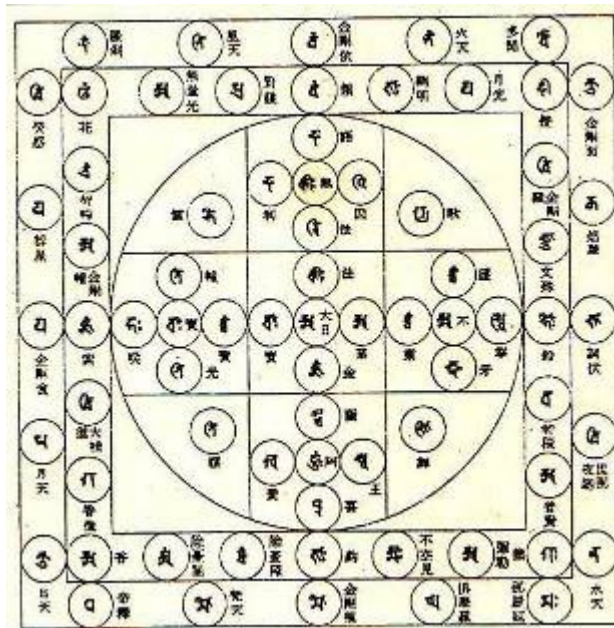
Tam Muội Gia Hội là Hội thứ hai trong 9 Hội của Hiện Đồ Kim Cương Giới Man Đa La, có vị trí ở phương Đông, ngay bên dưới Thành Thân Hội. Trong 4 loại Man Đa La thì Tam Muội Gia Hội là **Tam Muội Gia Man Đa La** (Samaya-maṇḍala), nghĩa là dùng các loại Pháp Khí như: cái Tháp, chày Kim Cương, Bánh xe, vật báu, viên ngọc báu, đao, kiếm, khí trượng.... để biểu thị cho Tôn Tượng và xung là Tam Muội Gia Hình.

Nghĩa lý của Hội này dùng các Tôn của Thành Thân Hội làm Chủ.

Do **Tam Muội Gia** (Samaya) có 4 nghĩa là: Bình Đẳng, Bản Thệ, Trừ Chướng và Cảnh Giác... cho nên Hội này tượng trưng cho lời nguyện giác ngộ chúng hữu tình.

Hội này có 73 Tôn được trình bày như đồ hình sau:





Chính giữa Hội là Vòng Kim Cương lớn gồm năm vòng Giải Thoát đại diện cho năm vị trí của 5 vị Phật là **Đại Nhật** (Vairocana), **A Súc Phật** (Akṣobhya), **Bảo Sinh Phật** (Ratna-saṃbhava), **Vô Lượng Thọ Phật** (Amitāyus), **Bất Không Thành Tựu Phật** (Amogha-siddhi) được được bao bởi ba hình vuông và giới hạn trong hình vuông thứ nhất.

- _ Vòng tròn chính giữa là vị trí của **Đại Nhật Như Lai** (𑖀𑖃𑖫𑖅)
- Chung quanh là bốn vị Ba La Mật Bồ Tát (Pāramitā-bodhisatva) gồm có:
 - Kim Cương Ba La Mật Bồ Tát** (Vajra-pāramitā-bodhisatva) (𑖀𑖃𑖫𑖅𑖔𑖪𑖩)
 - Bảo Ba La Mật Bồ Tát** (Ratna-pāramitā-bodhisatva) (𑖀𑖃𑖫𑖅𑖔𑖪𑖩𑖔𑖪𑖩)
 - Pháp Ba La Mật Bồ Tát** (Dharma-pāramitā-bodhisatva) (𑖀𑖃𑖫𑖅𑖔𑖪𑖩𑖔𑖪𑖩𑖔𑖪𑖩)
 - Nghiệp Ba La Mật Bồ Tát** (Karma-pāramitā-bodhisatva) (𑖀𑖃𑖫𑖅𑖔𑖪𑖩𑖔𑖪𑖩𑖔𑖪𑖩𑖔𑖪𑖩)
- _ Vòng Giải Thoát ở phương Đông là vị thế của **A Súc Như Lai** (𑖀𑖃𑖫𑖅)
- Chung quanh có bốn vị Bát Nhã Bồ Tát (Prajña-Bodhisatva) là:
 - Kim Cương Tát Đỏa** (Vajra-satva) (𑖀𑖃𑖫𑖅𑖔𑖪𑖩)
 - Kim Cương Vương** (Vajra-rāja) (𑖀𑖃𑖫𑖅𑖔𑖪𑖩𑖔𑖪𑖩)
 - Kim Cương Ái** (Vajra-rāga) (𑖀𑖃𑖫𑖅𑖔𑖪𑖩𑖔𑖪𑖩𑖔𑖪𑖩)
 - Kim Cương Hỷ** (Vajra-sādhu) (𑖀𑖃𑖫𑖅𑖔𑖪𑖩𑖔𑖪𑖩𑖔𑖪𑖩𑖔𑖪𑖩)
- _ Vòng Giải Thoát ở phương Nam là vị thế của **Bảo Sinh Như Lai** (𑖀𑖃𑖫𑖅)
- Chung quanh có bốn vị Bát Nhã Bồ Tát (Prajña-Bodhisatva) là:
 - Kim Cương Bảo** (Vajra-ratna) (𑖀𑖃𑖫𑖅𑖔𑖪𑖩𑖔𑖪𑖩𑖔𑖪𑖩)
 - Kim Cương Quang** (Vajra-Teja) (𑖀𑖃𑖫𑖅𑖔𑖪𑖩𑖔𑖪𑖩𑖔𑖪𑖩𑖔𑖪𑖩)
 - Kim Cương Tràng** (Vajra-ketu) (𑖀𑖃𑖫𑖅𑖔𑖪𑖩𑖔𑖪𑖩𑖔𑖪𑖩𑖔𑖪𑖩)
 - Kim Cương Tiểu** (Vajra-hāsa) (𑖀𑖃𑖫𑖅𑖔𑖪𑖩𑖔𑖪𑖩𑖔𑖪𑖩𑖔𑖪𑖩𑖔𑖪𑖩)
- _ Vòng Giải Thoát ở phương Tây là vị thế của **Vô Lượng Thọ Như Lai** (𑖀𑖃𑖫𑖅)
- Chung quanh có bốn vị Bát Nhã Bồ Tát (Prajña-Bodhisatva) là:
 - Kim Cương Pháp** (Vajra-dharma) (𑖀𑖃𑖫𑖅𑖔𑖪𑖩𑖔𑖪𑖩𑖔𑖪𑖩𑖔𑖪𑖩𑖔𑖪𑖩)
 - Kim Cương Lợi** (Vajra-tiṅṣṇa) (𑖀𑖃𑖫𑖅𑖔𑖪𑖩𑖔𑖪𑖩𑖔𑖪𑖩𑖔𑖪𑖩𑖔𑖪𑖩𑖔𑖪𑖩)
 - Kim Cương Nhân** (Vajra-hetu) (𑖀𑖃𑖫𑖅𑖔𑖪𑖩𑖔𑖪𑖩𑖔𑖪𑖩𑖔𑖪𑖩𑖔𑖪𑖩𑖔𑖪𑖩)

Kim Cương Ngũ (Vajra-bhāṣa) (𑖀)

_ Vòng Giải Thoát ở phương Bắc là vị thế của **Bát Không Thành Tựu Như Lai**

(𑖀)

Chung quanh có bốn vị Bát Nhã Bồ Tát (Prajña-Bodhisatva) là:

Kim Cương Nghiệp (Vajra-karma) (𑖀)

Kim Cương Hộ (Vajra-rakṣa) (𑖀)

Kim Cương Dược Xoa (Vajra-yakṣa) (𑖀)

Kim Cương Quyền (Vajra-saṃdhi) (𑖀)

Giữa bốn vòng Giải Thoát là bốn vị Kim Cương Nữ (Vajrī) là:

Kim Cương Hý (Vajra-lāsī) (𑖀)

Kim Cương Man (Vajra-mālā) (𑖀)

Kim Cương Ca (Vajra-gītā) (𑖀)

Kim Cương Vũ (Vajra-nṛtye) (𑖀).

_ Trong hình vuông thứ hai gồm có 4 Ngoại Cúng Đường, 4 Nhiếp, 16 Bồ Tát đời Hiền Kiếp

Ở bốn góc của hình vuông có 4 vị Kim Cương Nữ là:

Kim Cương Phần Hương (Vajra-dhūpa) (𑖀)

Kim Cương Hoa (Vajra-puṣpa) (𑖀)

Kim Cương Đẳng (Vajra-Āloka) (𑖀)

Kim Cương Đồ Hương (Vajra-gandha) (𑖀)

Giữa 4 vị Nữ Cúng Đường là :

.) Phương Đông có 5 Tôn (từ trái qua phải) là:

Trừ Ưu Âm Bồ Tát (𑖀)

Trừ Cái Chướng Bồ Tát (𑖀)

Kim Cương Câu (Vajra-aṃkuśa) (𑖀)

Bát Không Kiến Bồ Tát (𑖀)

Di Lặc Bồ Tát (𑖀)

.) Phương Nam có 5 Tôn (từ trên xuống dưới) là:

Trí Tràng Bồ Tát (𑖀)

Kim Cương Tràng Bồ Tát (𑖀)

Kim Cương Sách (Vajra-pāśa) (𑖀)

Đại Tinh Tiến Bồ Tát (𑖀)

Hương Tượng Bồ Tát (𑖀)

.) Phương Tây có 5 Tôn (từ trái qua phải) là:

Vô Lượng Quang Bồ Tát (𑖀)

Hiền Hộ Bồ Tát (𑖀)

Kim Cương Tỏa (Vajra-sphoṭa) (𑖀)

Võng Minh Bồ Tát (𑖀)

Nguyệt Quang Bồ Tát (𑖀)

.) Phương Bắc có 5 Tôn (từ trên xuống dưới) là:

Kim Cương Tạng Bồ Tát (𑖀)

Văn Thù (𑖀) (?Vô Tận Ý Bồ Tát)

Kim Cương Linh (Vajrāveśa) (𑖀)

Trí Tích Bồ Tát (𑖀) (?Vấn Thù Bồ Tát)

Phổ Hiền Bồ Tát (𑖂)

_ Trong hình vuông thứ ba là 20 vị Hộ Pháp (Dharma-pāla) được xếp loại trong 5 cõi Trời tại bốn phương như sau:

5 cõi Trời ở Phương Đông (từ trái qua phải)

Đế Thích (Śakra) (𑖀)

Phạm Thiên (Brahma) (𑖂)

Kim Cương Tồi (Vajra-vikiraṇa) (𑖂)

Câu Ma La (Kumāra) (𑖂)

Na La Diên (Nārāyaṇa) (𑖂)

5 cõi Trời ở phương Nam (từ trên xuống dưới)

Huỳnh Hoặc (Piṅgala) (𑖀)

Tuệ Tinh (Ketu) (𑖂)

Kim Cương Thực (Vajra-bhakṣam) (𑖂)

Nguyệt Thiên (Candra) (𑖂)

Nhật Thiên (Āditya) (𑖂)

5 cõi Trời ở phương Tây (từ trái qua phải)

La Sát (Rākṣasa) (𑖂)

Phong Thiên (Vāyu) (𑖀)

Kim Cương Y (Vajra-vaśi) (𑖂)

Hỏa Thiên (Agni) (𑖂)

Đa Văn (Vaiśravaṇa) (𑖂)

5 cõi Trời ở phương Bắc (từ trên xuống dưới)

Kim Cương Diện (Vajra-mukha) (𑖂)

Diêm Ma (Yama) (𑖂)

Điều Phục (Vajra-jaya) (𑖂)

Tỳ Na Dạ Ca (Vināyaka) (𑖀)

Thủy Thiên (Varuṇa) (𑖂)

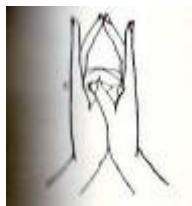
1_ Đại Nhật Như Lai (Vairocana):

Chữ chung tử là: A (𑖂) hay ĀḤ (𑖂)

Tam Muội Gia Hình là: đế chày Ngũ Cổ nằm ngang trên hoa sen, bên trên có cái tháp. Biểu thị cho thân tâm trong sạch, viên mãn Bồ Đề rộng khắp Pháp Giới. Đây là chỗ nhiếp của Phật Bộ ở phương trung ương, tức là Pháp Giới Thể Tính Trí.



Tượng Ấn là: **Kim Cương Giới Tự Tại Khế** (Kim Cương Ngoại Phộc, dựng hai ngón giữa cùng vịn nhau rồi hơi co lại như hình cây kiếm, duỗi hai ngón trở phụ lưng hai ngón giữa)



Chân Ngôn là:

𑖀𑖄𑖅𑖆𑖇𑖈𑖉

VAJRA-JÑĀNA ĀḤ

2_ Kim Cương Ba La Mật Bồ Tát (Vajra-pāramitā-bodhisatva):

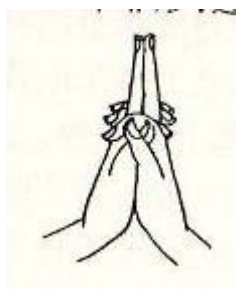
Chữ chủng tử là: HŪM (𑖬)

Tam Muội Gia Hình là: chày Ngũ Cổ trên hoa sen. Biểu thị cho sự kiên cố Tâm Bồ Đề.



Tượng Ấn là:

Kim Cương Châm Ấn (hai tay tác Kim Cương Ngoại Phộc, duỗi thẳng hai ngón giữa sao cho đầu ngón cùng trụ nhau như cây kim , để ngang trái tim)



Chân Ngôn là:

𑖀𑖄𑖅𑖆𑖇𑖈𑖉

VAJRA-ŚRĪ HŪM

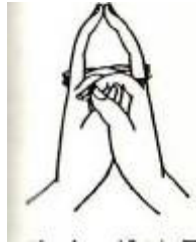
3_ Bảo Ba La Mật Bồ Tát (Ratna-pāramitā-bodhisatva):

Chữ chủng tử là: TRĀḤ (𑖔)

Tam Muội Gia Hình là: Tam Biện Bảo Châu. Biểu thị cho việc được tròn đủ ước nguyện của tất cả chúng sinh, không còn thiếu thốn



Tượng Ấn là: Ngoại Phộc, có 2 ngón giữa cùng chạm đầu ngón, thành hình bấu



Chân Ngôn là:

𑖀𑖄𑖆𑖇𑖉𑖊𑖋

VAJRA-GAURĪ TRĀḤ

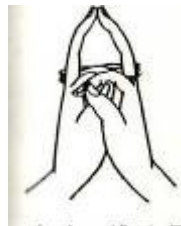
4_ Pháp Ba La Mật Bồ Tát (Dharma-pāramitā-bodhisatva):

Chữ chủng tử là: HRĪḤ (𑖕𑖉)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Ngũ Cổ trên hoa sen, bên trên có hoa sen chưa nở.
Biểu thị cho sự trong sạch, không có nhiễm dính, nên được Pháp thù thắng vi diệu



Tượng Ấn là: Ngoại Phộc, duỗi thẳng hai ngón giữa cùng vịn nhau như hình hoa sen, để ngang cổ họng



Chân Ngôn là:

𑖀𑖄𑖆𑖇𑖉𑖊𑖋

VAJRA-TĀRĀ HRĪḤ

5_Nghiệp Ba La Mật Bồ Tát (Karma-pāramitā-bodhisatva):

Chữ chủng tử là: AH (𑖠)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Yết Ma trên hoa sen (Thập Tự Tam Cổ Chử). Biểu thị cho sự hay thành tựu sự nghiệp của tất cả Như Lai và sự nghiệp của tất cả chúng sinh. Hết thấy việc tu trì không có gì không thành tựu.



Tướng Ấn là: Hai tay tác Kim Cương Ngoại Phộc, co hai ngón giữa vào trong lòng bàn tay, dựng thẳng 2 ngón cái, hai ngón út cùng hợp nhau, để trên đỉnh đầu



Chân Ngôn là:

𑖠 𑖡 𑖢 𑖣 𑖤 𑖥

KHA _ VAJRINI HOH

6_A Súc Như Lai (Akṣobhya):

Chữ chủng tử là: HŪM (𑖦)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Ngũ Cổ nằm ngang trên hoa sen, ở trên chày có chày Ngũ Cổ dựng đứng. Biểu thị cho sự phát Tâm Bồ Đề. Đây là chỗ nhiếp của Kim Cương Bộ ở phương Đông, tức là Đại Viên Kính Trí.



Tượng Ấn là: Hai tay tác Kim Cương Ngoại Phộc, kèm dựng đứng hai ngón giữa



Chân Ngôn là:

𑖀𑖄𑖆𑖅𑖄𑖆𑖅

VAJRA-JÑĀNA HŪM

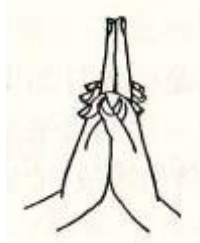
7_ Kim Cương Tát Đỏa (Vajra-satva):

Chữ chủng tử là: SVTA (𑖀𑖄𑖆) hay STVAM (𑖀𑖄𑖆𑖅)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Ngũ Cổ dựng đứng. Biểu thị cho Tâm Đại Bồ Đề. Từ lúc mới phát ý, kiên cố đồng mãnh trụ Tam Ma Địa Trí, ánh sáng rực rỡ của thân Tụ Thọ Dụng rộng chiếu vô biên, cầm Chày Ngũ Trí Kim Cương giữ gìn tòa vị, ngạo mạn tụt tại



Tượng Ấn là: Kim Cương Tát Đỏa Tam Muội Gia Ấn



Chân Ngôn là:

𑖀𑖄𑖆𑖅𑖄𑖆𑖅

SAMAYA STVAM

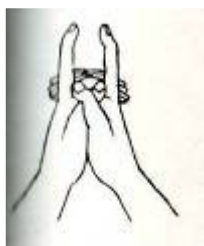
8_ Kim Cương Vương (Vajra-rāja):

Chữ chủng tử là: SVA (𑖀𑖄𑖆) hay SA (𑖀𑖄)

Tam Muội Gia Hình là: Hai móc câu Kim Cương dựng đứng. Biểu thị cho việc hành bốn **Nhiếp Pháp** mà tế độ. Thế nào là 4 Nhiếp Pháp? Đó là nhóm Bồ Thí, Ái Ngũ, Lợi Hành, Đồng Sự để nhiếp thủ. Thế nên Kim Cương Vương Bồ Tát (Vajra-rāja-bodhisatva) cầm 2 móc câu kim cương dùng để triệu tập,



Tượng Ấn là: Hai tay tác Kim Cương Ngoại Phộc, co hai ngón trở như hình móc câu



Chân Ngôn là:
𑖦𑖩𑖳𑖨
ĀNAYA SVA

9_ Kim Cương Ái (Vajra-rāga):

Chữ chủng tử là: KHA (𑖬𑖩) hay GA (𑖬𑖩)

Tam Muội Gia Hình là: Hai chày Tam Cỏ dựng đứng, trên dưới đều có một chày giao nhau. Biểu thị cho việc cầm mũi tên Đại Bi Tâm hay bắn Tâm Kế Chấp của Nhị Thừa. Nếu chưa quên được Năng, Sở thì làm sao té bặt được? Cầm cung tên Đại Bi này cũng hay giết hại tất cả phiền não, chọn thẳng Tâm Bồ Đề tức là Hạnh Vị của Kim Cương Ái Bồ Tát.



Tượng Ấn là: Hai tay tác Ngoại Phộc Quyền, duỗi hai ngón trở cùng giao nhau



Chân Ngôn là:
𑖬𑖩𑖳𑖨
AHO SUKHA

10_ Kim Cương Hỷ (Vajra-sādhu):

Chữ chủng tử là: DHU (३).

Tam Muội Gia Hình là: Hai tay đều dựng đứng, hai ngón trỏ chỉ vào nhau như dạng búng ngón tay. Biểu thị cho Thắng Hạnh rất vui tốt lành, tức được loại Thân Bí Mật của tất cả Pháp lành là khẩu lành, ý lành thân lành, 3 thiện pháp môn, 3 nghiệp thanh tịnh, khen ngợi vô lượng vô biên Công Đức thiện



Tướng Ấn là: Hai tay tác Kim Cương Ngoại Phộc, co hai ngón trỏ vào trong lòng bàn tay cùng dính lưng, đem hai ngón cái đè bên cạnh hai ngón trỏ, búng ngón tay ba lần.



Chân Ngôn là:

३३ ३३

SĀDHU SĀDHU

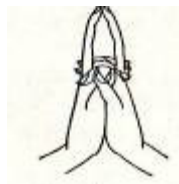
11_ Bảo Sinh Như Lai (Ratna-sambhava):

Chữ chủng tử là: TRĀḤ (३ः)

Tam Muội Gia Hình là: Tam Biện Bảo Châu. Biểu thị cho nhóm chứa Phước của Công Đức, tỏa ra vô lượng uy quang rực rỡ để mọi mong cầu sẽ được đầy đủ. Đây là chỗ nhiếp của Bảo Bộ ở phương Nam, tức là Bình Đẳng Tính Trí



Tướng Ấn là: Hai tay tác Kim Cương Ngoại Phộc, dựng đứng ngón giữa cùng vịn nhau như hình bấu.



Chân Ngôn là:

३ः ३ः

VAJRA-JÑĀNA _ TRĀḤ

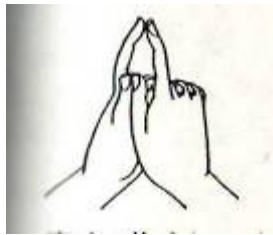
12_ Kim Cương Bảo Bồ Tát (Vajra-ratna):

Chữ chủng tử là: TVAM (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Trong lửa sáng có Tam Biện Bảo Châu. Biểu thị cho việc trong chốc lát được Quán Đỉnh khiến cho thân ấy được trang nghiêm tô điểm tức là **Hur Không Tạng Bồ Tát** (Ākāśa-garbha-bodhisatva) cầm bình báu Ma Ni. Lại tương tất cả Như Lai phát sinh ra báu Đại Ma Ni. Quán Đỉnh Đại Bồ Tát nhận lấy chức vị cho đến khi Chuyển Luân Vương trụ chức vị thầy đều làm việc ấy, lợi ích hằng sa, vô biên nhóm Phước Đức, uy đức tự tại.



Tướng Ấn là: Hai tay nắm Kim Cương Quyền, cùng hợp mặt quyền, đều duỗi ngón trở cùng vịn nhau như hình báu



Chân Ngôn là:

ॐ

SU-MAHĀ TVAM

13_ Kim Cương Quang (Vajra-Teja):

Chữ chủng tử là: TI (ॐ) hay TA (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Vành mặt trời (nhật luân). Biểu thị cho việc cầm mặt trời của **Kim Cương Quang Minh** (Vajra-teja) chiếu soi rọi sáng tỏ trong suốt không có bờ mé. Tuy có số mặt trời nhiều như bụi nhỏ, tuyệt chẳng thể cướp đoạt tranh hơn với ánh sáng ấy.



Tượng Ấn là: Co hai ngón trở như hình bấu, dựng đứng hai ngón cái, duỗi các ngón còn lại như tia sáng, xoay chuyển ba lần



Chân Ngôn là:

𑖀𑖄𑖅𑖆

RŪPODYOTA

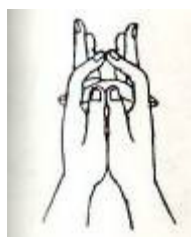
14_ Kim Cương Tràng (Vajra-ketu):

Chữ chủng tử là: TI (𑖇) hay PTI (𑖉)

Tam Muội Gia Hình là: Đầu cây gậy có Tam Biện Bảo Châu, sợi dây quấn ràng có cây phượng bấu, tùy theo gió lay động. Biểu thị cho việc dễ dàng ban thưởng thù đáp thì nên có Đàn Thí, tức **Kim Cương Tràng Bồ Tát** (Vajra-ketu-bodhisatva) dựng lập trên cây phượng Đại Ma Ni, đặt viên ngọc bấu tỏa ánh sáng chiếu diệu. Tuôn mưa Ma Ni, trăm báu, phượng, lọng, hương hoa vi diệu... đều ban cho tất cả Hữu Tình tùy theo ý nguyện, mãn túc hạnh nguyện Đàn Ba La Mật, đủ Tâm Đại Bi, vô lượng trân bảo với Tâm “**cho nhưng không có nơi cho, nơi được mà không có gì được**”.



Tượng Ấn là: Kim Cương Tràng Ấn



Chân Ngôn là:

𑖇𑖄𑖅𑖆

ARTHA PRĀPTI

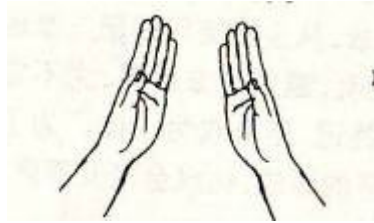
15_ Kim Cương Tiểu (Vajra-hāsa):

Chữ chủng tử là: HAḤ (𑖇)

Tam Muội Gia Hình là: **Tiểu Chử** (chày Tiểu). Biểu thị cho việc đã nương nhờ vào sự lợi ích của Bồ Thí, vui thích với tâm thành liền được chí hướng đặc biệt, phát ra lời vui vẻ mỉm cười khoái lạc, rộng độ Hữu Tình, vui với tâm buông xả, hay phụng sự đầy đủ.



Tướng Ấn là: Kết Kim Cương Tràng Ấn, hướng đầu Ấn xuống dưới, mở hai tâm của lòng bàn tay, đưa lên trên đến miệng rồi bung tán



Chân Ngôn là:

𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀

HA HA HA HŪM HAḤ

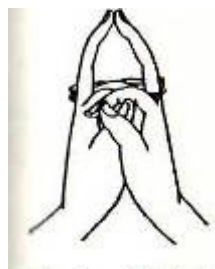
16_ Vô Lượng Thọ Như Lai (Amitāyus):

Chữ chủng tử là: HRĪḤ (𑖕𑖃)

Tam Muội Gia Hình là: Trên hoa sen để chày Ngũ Cổ nằm ngang, trên chày để chày Độc Cổ dựng đứng, trên đầu chày có hoa sen hé nở. Biểu thị cho **Nhất Thiết Như Lai Tam Ma Địa Trí**. Do mới phát Tâm liên hay chuyển bánh xe Pháp **Biện Vô Ngôn Thuyết**, Lý không có bờ mé, nơi thâm nhiếp của **Ngũ Bộ** hay khiến cho chúng sanh thông minh lợi trí. Đây là chỗ nhiếp của **Pháp Bộ** (Dharma-kulāya) ở phương Tây, tức là **Diệu Quán Sát Trí** (Pratyavekṣana-jñāna).



Tướng Ấn là: Hai tay tác Ngoại Phộc, duỗi hai ngón giữa cùng vịn nhau như hình hoa sen



Chân Ngôn là:

𑖀𑖄𑖅𑖆𑖇𑖈𑖉

VAJRA-JÑĀNA _ HRĪḤ

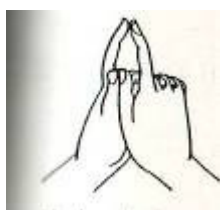
17_ Kim Cương Pháp (Vajra-dharma):

Chữ chung tử là: RI (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là: Trên chày Độc Cổ có hoa sen. Biểu thị cho sự dùng Môn **Thù Thắng Hạnh**, lý nghĩa vi diệu, phương tiện Đại Bi mà kết thành bè **Nhân** (Hetu) vào Hạnh Nguyên Bồ Đề, Thắng Nghĩa mà đốn chứng.



Tượng Ấn là: Ngoại Phộc, kèm dựng hai ngón cái, co hai ngón trở như hoa sen



Chân Ngôn là:

𑖀𑖄𑖅𑖆𑖇𑖈𑖉

SARVA KĀRI

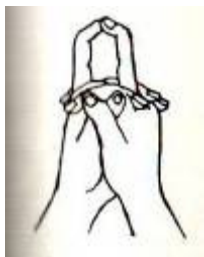
18_ Kim Cương Lợi (Vajra-tīkṣṇa):

Chữ chung tử là: DA (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm. Biểu thị cho việc cầm cây kiếm Trí chặt đứt sự trói buộc, trừ hại 4 Ma và Nhị Thừa, phá tâm chấp trước mà vô sở trụ (không có nơi trụ) chẳng ở nơi **không, hữu**, vĩnh viễn dứt hẳn hai bên. Hay cắt đứt tâm Kiết Sở của tất cả Hữu Tình, thường trụ ở Vô Vi Trí Tuệ Viên Minh.



Tướng Ấn là: Hai tay tác Ngoại Phộc, duỗi thẳng hai ngón giữa, co lỏng trên lại như hình cây kiếm.



Chân Ngôn là:

ॐ:॥ॐ ॐ

DUḤKHA CCHEDA

19_ Kim Cương Nhân (Vajra-hetu):

Chữ chủng tử là: DHI (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Bánh xe có tám căm. Biểu thị cho việc trụ Tam Ma Địa Tâm, khởi nguyện Hạnh Đại Bi, chuyển bánh xe Chính Pháp, ánh sáng của căm xe chuyển động làm cho 3 Luân của Đại Thiên Giới được thanh tịnh, làm Chủ Tể ở các Mạn Đà La, đối với các chỗ của Ma đều làm Giáo Lệnh điều phục Hữu Tình, chính thọ Tam Muội.



Tướng Ấn là: Ngoại Phộc, cột buộc ngón giữa bên trong lòng bàn tay, duỗi đứng hai ngón vô danh cùng hợp nhau, duỗi thẳng ngón út cùng giao nhau.



Chân Ngôn là:

ॐ ॐ ॐ

BUDDHA BODHI

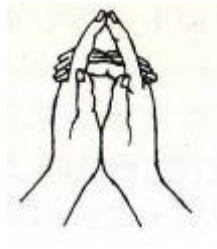
20_ Kim Cương Ngũ (Vajra-bhāṣa):

Chữ chủng tử là: DA (ॐ) hay BDA (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cỗ trong cái lưới. Biểu thị cho việc vào ngay: **Vô ngôn**, vẫn tự vốn **trống rỗng** (Śūnya: Không) Chân Như Pháp Giới, tạng Tu Đa La (Sūtra: Khế Kinh) bình đẳng, viên mãn hằng hà sa Pháp Môn, ngộ Đại Thừa, không có gì không khai diễn được. Vì căn cứ vào Thắng Pháp nên đàm luận cùng chư Phật, niệm tụng điều tốt lành của Luật; một đời Chân Ngôn đều có đủ trong đây.



Tướng Ấn là: Ngoại Phộc Quyên, đem hai ngón trỏ làm hình hoa sen, hai ngón cái phụ bên cạnh.



Chân Ngôn là:

𑖀𑖡𑖣𑖤

PRATISABDA

21_ Bất Không Thành Tựu Như Lai (Amogha-siddhi)

Chữ chủng tử là: A (𑖀) hay AH (𑖀𑖡)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Yết Ma trên chày Ngũ Cổ. Biểu thị cho việc dùng phương tiện Đại Bi hay thành sự nghiệp của tất cả Như lai và làm sự nghiệp của chúng sanh. Do phương tiện của Trí khéo léo của Tỳ Thủ Yết Ma Bồ Tát (Viśva-karma-bodhisatva) hay thành tựu Tâm Bồ Đề của tất cả Hữu Tình, rốt ráo chẳng thoái lui, ngồi ở Bồ Đề Đạo Trường giảng phục chúng Ma. Phần lớn các phương tiện không khiến cho tổn hại cũng hay biến Hư Không thành kho tàng, trân bảo trong đó đầy tràn Không Trung, cúng dường tất cả chư Phật nhiều như số bụi nhỏ của mười phương. **Hư Không Khố Bồ Tát** (Vajra-garja-bodhisatva) này tức là tên khác của Tỳ Thủ Yết Ma Bồ Tát, Ấn sở thành của Hạnh Nguyện, truyền Môn Giải Thoát kiên cố hay khéo hộ trì Đại Ấn phương tiện của ba Mật Môn. Đây là chỗ nhiếp của Nghiệp Bộ (Karma kulāya), tức **Thành Sở Tác Trí** (Kṛtya-muṣṭhāna-jñāna)



Tướng Ấn là: Ngoại Phộc, co hai ngón giữa vào trong lòng bàn tay cùng hợp mặt ngón, duỗi dựng hai ngón cái, hai ngón út cùng hợp nhau.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रं ज्ञानं ॐ

VAJRA-JÑĀNA AH

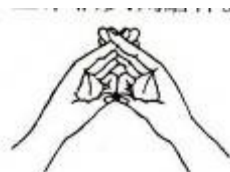
22_ Kim Cương Nghiệp (Vajra-karma)

Chữ chung tử là: TVAM (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Yết Ma. Biểu thị cho việc liền vào nơi thành biện của **Nhất Thiết Nghiệp Dụng Thiện Xảo Môn** rộng rãi cúng dường, lợi ích Hữu Tình. Dùng Hư Không làm kho tàng, trân bảo trong đó tràn đầy Hư Không, cấp tế cho quần sinh, ban bố theo 5 loại khiến cho họ không còn thiếu thốn, Tâm cúng dường khắp mười phương Như Lai, tất cả sát hải (cõi rộng như biển) nhiều như bụi nhỏ của chư Phật .



Tướng Ấn là: Kim Cương Ngoại Phộc, đem hai ngón cái nắm lấy hai ngón út, duỗi 6 ngón còn lại cùng giao bên ngoài nhau, đều co đầu 6 ngón



Chân Ngôn là:

ॐ सुवसि त्वम ॐ

SUVAŚI TVAM

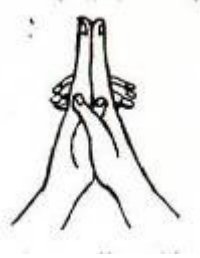
23_ Kim Cương Hộ (Vajra-rakṣa)

Chữ chung tử là: TVAM (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cổ của Giáp Trụ. Biểu thị cho việc mặc giáp trụ tinh tiến, giữ gìn vạn hạnh tu tâm, thủ hộ Pháp Môn khiến chẳng thoái chuyển. Nói **Từ Hộ** rộng lớn hay trừ sự lười biếng trễ nãi, **Hộ Trí** bền chắc vững mạnh, thành ngay Bồ Đề cứu cánh, không có gì không trùm khắp.



Tướng Ấn là: Hai tay tác Ngoại Phộc để ngang ngực, duỗi thẳng hai ngón trỏ cùng hợp nhau như dạng cây kim.



Chân Ngôn là:

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

NIRBHAYA TVAM

24_ Kim Cương Dược Xoa (Vajra-yakṣa):

Chữ chủng tử là: KṢA (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Hai nửa nhánh của chày Tam Cổ. Biểu thị cho việc thị hiện hình Kim Cương Dược Xoa với sắc tượng đáng sợ tỏa lửa mạnh rực rỡ, uy mãnh giận dữ, cầm răng nanh Kim Cương để ngay trong miệng, hay ăn nuốt Vô Minh từ vô thủy với các **Chấp Kiến** của tất cả Hữu Tình để tột diệt, tác phương tiện Đại Bi mà hay khùng bỏ tất cả Như Lai.



Tướng Ấn là: Ngoại Phộc, mở đứng hai ngón út, duỗi thẳng hai ngón trỏ như móc câu.



Chân Ngôn là:

ॐ क्ष म्

ŚATRŪ BHAKṢA

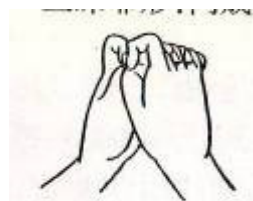
25_ Kim Cương Quyền (Vajra-saṃdhi):

Chữ chủng tử là: SVI (ॐ) hay DDHI (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Hai tay nắm Kim Cương Quyền. Biểu thị cho việc dùng sự uy mãnh của Kim Cương Dược Xoa mà trở thành Lý Giải Thoát. Kim Cương Bí Mật hay tế độ chúng sanh trong 3 Tế Khổ Luân Phương Tiệm Đại Quyền, 3 Mật gia trì, Tâm truyền Mật Ấn, trụ Tam Ma Địa, tất cả Pháp Yêu mà hay giải bỏ sự trói buộc, thoát khổ sinh vui, trụ bốn Tâm Vô Lượng.



Tượng Ấn là: Ngoại Phục, co hai ngón cái vào trong lòng bàn tay, co hai ngón trở đề trên lưng ngón cái.



Chân Ngôn là:

ॐ ॐ ॐ

SARVA SIDDHI

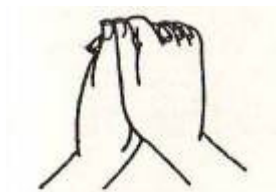
26_ Kim Cương Hý (Vajra-lāsī):

Chữ chủng tử là: TI (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cổ uốn cong. Biểu thị cho việc tất cả chúng sanh xưa nay vốn có Tự Tính thanh tịnh. Vì khách trần (bụi bặm) phiền não, hai tướng **Năng Sở** vây nhiễm Tâm ấy, nên chẳng được tự tại. Nay Bản Thể vốn có của vọng tưởng này tự trống rỗng, hiểu rõ các Pháp chẳng sinh nên **Không, Hữu** không còn chướng ngại. Ở đây Tỳ Lô Giá Na Phật liên trụ quán Tâm Bồ Đề, chiếu soi thông suốt tròn sáng, tuôn ra sự vui thích trang nghiêm mọi thứ cúng dường.



Tượng Ấn là: Ngoại Phộc, kèm dựng hai ngón cái để phía trước trán.



Chân Ngôn là:

𑖀𑖡𑖣𑖤

MAHĀ-RATI

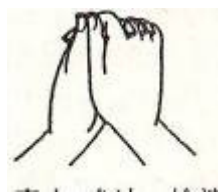
27_ Kim Cương Man (Vajra-mālā):

Chữ chủng tử là : BHE (𑖧)

Tam Muội Gia Hình là: Vòng hoa báu. Biểu thị cho việc Tỳ Lô Giá Na Phật ở nội tâm tuôn ra **Kim Cương Bảo Man** (Vajra-ratna-māle: Tràng hoa báu Kim Cương) nghiêm sức Thế ấy, liền tập hợp mọi báu dùng để trang nghiêm. Ánh sáng của nhóm báu tròn đầy Phước Đức, hay làm cho năm loại Thí Nguyện được viên mãn.



Tượng Ấn là: Kim Cương Phộc, kèm dựng hai ngón cái để ngang trán



Chân Ngôn là:

𑖧𑖣𑖤𑖥

RŪPA-SŌBHE

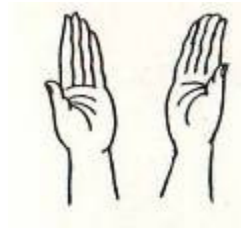
28_ Kim Cương Ca (Vajra-gītā):

Chữ chủng tử là : GYA (𑖧𑖣) hay KHYA (𑖧𑖣𑖤)

Tam Muội Gia Hình là: Cây đàn Không Hầu. Biểu thị cho việc Tỳ Lô Giá Na ở mọi Tâm tuôn ra phương tiện Đại Bi, trụ Tâm Tam Ma Địa, phát ra ca tán phúng vịnh để hưng phát cúng dường, đặc được 64 loại Phạm Âm, trụ Thuyết Pháp vô ngại. Sự hòa nhã của âm thanh ấy khiến cho mọi nhạc cụ: sáo, đàn sắt, Không Hầu... đều tác cúng dường. Đây tức là âm thanh làm Phật sự. Lời nói lợi ích của Pháp, Bản Thể của nó vốn trống rỗng, Chân Như ngưng đọng tự nhiên, Pháp Giới thanh tịnh.



Tượng Ấn là: Kim Cương Ngoại Phộc, do từ rốn đến miệng rồi bung tán



Chân Ngôn là:

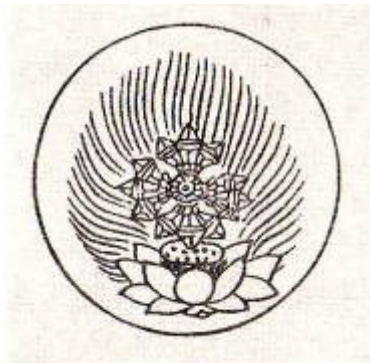
ॐ ॐ ॐ ॐ

ŚROTRA- SAUKHYE

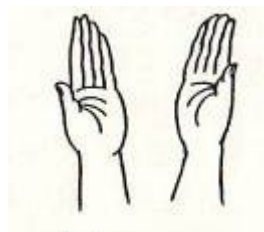
29_ Kim Cương Vũ (Vajra-nṛtye):

Chữ chủng tử là : JI (ॐ).

Tam Muội Gia Hình là: Chày Yết Ma. Biểu thị cho việc Tỳ Lô Giá Na Phật ở trong Nội Tâm tuôn ra sự nghiệp của Như Lai với sự nghiệp của chúng sinh, tác Trí khéo léo với Trí thọ dụng, mọi loại cúng dường, kết **Kim Cương Vũ Ấn**, Nghi Quỹ rộng lớn, hiện đại thần thông, điệu múa màu nhiệm trang nghiêm dùng làm Phật Sự, cúng dường hằng sa cõi Phật nhiều như bụi nhỏ. Đối với Môn Tam Muội, ra vào không ngại.



Tượng Ấn là: Hai tay đều đè móng hai ngón vô danh trên trái tim, một lần chuyển múa. Tiếp vai trái, tiếp vai phải đều chuyển múa một lần, rồi bung tán.



Chân Ngôn là:

ॐ सर्व पुजे

SARVA PŪJE

Hay ॐ सर्व पुजे

OM_ SARVA PUNYE

30_ Kim Cương Phần Hương (Vajra-dhūpa):

Chữ chủng tử là: A (ॐ) hay AH (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Lò hương báu. Biểu thị cho việc A Súc Như Lai ở trong nội tâm tuôn ra **Phần Hương Bồ Tát** (Dhūpe-bodhisatva) cúng dường Tỳ Lô Giá Na Như Lai. Mây biển hương thơm ấy vòng khắp Pháp Giới. Người thấy, nghe, hay, biết đều sinh thích thú, hay vào khắp trong các Phật Thế, vui vẻ khoái lạc.



Tướng Ấn là: Kim Cương Ngoại Phộc, hướng hai lòng bàn tay xuống bên dưới mở bung.



Chân Ngôn là:

ॐ ह्रीं

PRAHLA-DINI

31_ Kim Cương Hoa (Vajra-puṣpa):

Chữ chủng tử là: OM (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Trên hoa sen có lá sen chứa đầy hoa hé nở. Biểu thị cho việc Bảo Sinh Như Lai ở nội tâm tuôn ra Giác Hoa vi diệu để phụng hiến Tỳ Lô Giá Na Như Lai. Do hoa sen báu Kim Cương nên đóa hoa ấy hé nở ánh sáng có màu sắc tươi đẹp, gom nhóm Phước Đức mọi loại trang nghiêm, hay ban cho Hữu Tình được nguyện an vui .



Tượng Ấn là: Ngoại Phộc, ngựa mở làm dạng dăng hiển.



Chân Ngôn là:

फलागमि

PHALĀGĀMI

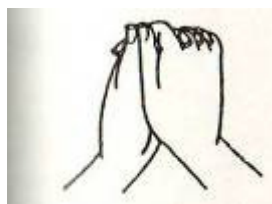
32_ Kim Cương Đăng (Vajra-Āloka):

Chữ chủng tử là: DI (ॠ) hay DĪḤ (ॡ)

Tam Muội Gia Hình là: Đèn nền báu. Biểu thị cho việc Quán Tự Tại Vương Như Lai ở trong nội tâm tuôn ra **Kim Cương Trí Đăng** (Vajra-jñāna-dīpe: Đèn Trí Kim Cương) thừa sự cúng dường Tỳ Lô Giá Na Như Lai. Ánh sáng soi chiếu thông suốt, đặc được năm mắt thanh tịnh của Như Lai, thấy đều nhìn thấy hình sắc ngăn che bên trong bên ngoài. Ở đèn **Nội Trí** chiếu soi tất cả Pháp vốn có tính thanh tịnh giống như trăm ngàn ánh sáng của ngọc Ma Ni cũng không thể che khuất hay phản chiếu lại được. Mặt trời Trí Tuệ là do ngọn đèn này vậy .



Tượng Ấn là: Kim Cương Ngoại Phộc, duỗi thẳng hai ngón cái, kèm thẳng đứng



Chân Ngôn là:

सुतेजग्री

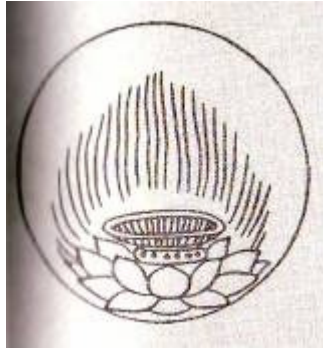
SUTEJĀGRI

33_ Kim Cương Đồ Hương (Vajra-gandha):

Chữ chủng tử là: GAḤ (ॢ)

Tam Muội Gia Hình là: Vật khí chứa hương xoa bôi. Biểu thị cho việc Bất Không Thành Tựu Như Lai ở trong nội tâm tuôn ra **Kim Cương Đồ Hương Bồ Tát** (Vajra-gandhe-bodhisatva) cầm giữ Hương Ấn cúng dường Tỳ Lô Giá Na Như Lai . Hương xoa bôi màu nhiệm này hay trừ bệnh nóng uất của tất cả Hữu Tình, hay được

năm phần Pháp Thân của Như Lai là: **Giới, Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến**.... trang nghiêm Thể ấy, cũng hay chứng được sự trang nghiêm rộng lớn tròn đầy của Tâm Bồ Đề thanh tịnh.



Tượng Ấn là: Kim Cương Ngoại Phộc, Mở dẫn bên trái, bên phải ba lần.

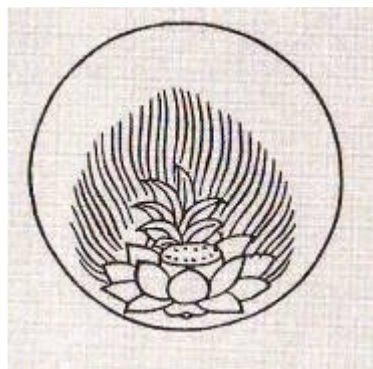


Chân Ngôn là:
सुगन्धं
 SUGANDHA-AṅGI

34_ Trừ Ưu Âm Bồ Tát (Śokatamo-nirghatana):

Chữ chủng tử là: **AM (ॐ)**

Tam Muội Gia Hình là: Cành cây. Biểu thị cho việc phủ trừ tất cả phiền não



Tượng Ấn là: Phạn Khiếp Ấn



Chân Ngôn là:
ॐ सर्वं शोकं तमो निरघाता मया स्वहं अम्
 OM_ SARVA ŚOKATAMO NIRGHĀTA MATAYE SVĀHĀ_ ĀM

35_ Trừ Cái Chướng Bồ Tát (Sarva-nivaraṇa-viṣkambhin):

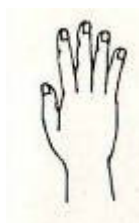
[Bản khác ghi là **Diệt Ác Thú Bồ Tát (Sarva-apāya-jaha)**]

Chữ chủng tử là: SA (𑖰𑖩)

Tam Muội Gia Hình là: Phạn Khiếp (cái rương Kinh Phạn). Biểu thị cho tám vạn bốn ngàn Pháp Môn, khử trừ các sự chướng ngại ngăn che.



Tượng Ấn là: Tay phải duỗi 5 ngón tay nâng lên trên, tay trái nắm quyền để ở eo



Chân Ngôn là:

ॐ स्रक्चय स्रक्चय स्रक् स

OM _ SARVA APĀYA-JAHĀYA SVĀHĀ _ SA

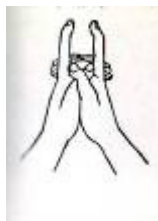
36_ Kim Cương Câu (Vajra-aṃkuṣa):

Chữ chủng tử là: JAH (𑖠𑖩)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cổ. Biểu thị cho việc ở trong nội tâm của Tỳ Lô Giá Na tuôn ra **Kim Cương Câu Bồ Tát (Vajra-aṃkuṣa-bodhisatva)** để triệu tập. Phạm vi Câu Triệu có nghĩa của 4 Nhiếp là: **Bố thí, Ái ngữ, Lợi hành, Đồng sự** để hay vận độ (xoay chuyển hóa độ vô lượng chúng sinh. Lại có chúng Ma khó phục cần phải chiết phục, cũng hay không chế voi điên khiến cho thuận tòng. Tức Tâm Đại Bồ Đề này rộng lớn tròn đầy, bền chắc mãnh lợi quyết định chẳng lùi. Cũng hay triệu tập tất cả Hiền Thánh giảng lâm Đạo Trường hay mãn tất cả Chân Ngôn Hạnh Bồ Tát mau chúng Tất Địa .



Tượng Ấn là: Ngoại Phộc, duỗi hai ngón trở như hình móc câu, triệu vời ba lần.



Chân Ngôn là:

𑖦𑖳𑖫𑖮

ĀYAHĪ JAḤ

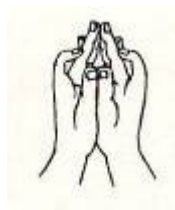
37_ Bất Không Kiến Bồ Tát (Amogha-darśin):

Chữ chủng tử là: AḤ (𑖦)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Độc Cỗ, hai bên eo chày có con mắt. Biểu thị cho việc dùng con mắt của Phật nhìn chúng sinh trong ba cõi, khiến họ vào ba Mật Môn



Tượng Ấn là: Phật Nhãn Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ 𑖦𑖳𑖫𑖮 𑖦𑖳𑖫𑖮 𑖦𑖳𑖫𑖮 𑖦𑖳𑖫𑖮

OM_ AMOGHA-DARŚANĀYA SVĀHĀ _ AḤ

38_ Di Lạc Bồ Tát (Maitreya):

Chữ chủng tử là: A (𑖦)

Tam Muội Gia Hình là: Cái bình Quân Trì. Biểu thị cho việc dùng nước của cái bình năm Trí rưới rót mọi loài trong Pháp Giới



Tượng Ấn là: Chắp hai tay lại giữa rỗng, hai móng ngón trỏ cùng hợp nhau, hai ngón cái đè mặt bên cạnh ngón trỏ



Chân Ngôn là:

ॐ मित्रेयय स्वहा ॐ
OM_MAITREYĀYA SVĀHĀ_A

39_ Trí Tràng Bồ Tát (Jñāna-ketu):

Chữ chung tử là: TRAM (ॐ) hay TRĀM (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Như Ý Tràng Phan. Biểu thị cho việc dựng cây phướng Trí Tuệ, câu triệu mọi uy nghi tự tại



Tượng Ấn là: Kim Cương Tràng Yết Ma Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ ज्ञानकेतुवे स्वहा ॐ
OM_JÑĀNA-KETUVE SVĀHĀ_TRĀM

40_ Kim Cương Tràng Bồ Tát (Vajra-ketu):

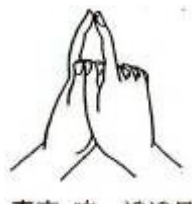
[Bản khác ghi là **Hư Không Tạng Bồ Tát (Gagana-gaṅja: Hư Không Khố)**]

Chữ chung tử là: A (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Tam Biện Bảo Châu. Biểu thị cho việc mở bày vạn Đức, tùy theo sự mong cầu, hay sinh ra vạn Pháp



Tượng Ấn là: Kim Cương Phộc, hai ngón trở cùng vịn nhau như hình bấu, hai ngón cái kèm song song nhau



Chân Ngôn là:

ॐ गगन गङ्गाय स्वहा ॐ
OM_GAGANA-GAÑJĀYA SVĀHĀ_A

41_ Kim Cương Sách (Vajra-pāśa):

Chữ chung tử là: HŪM (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Bộ đầu kết thành sợi dây của chày Độc Cổ. Biểu thị cho việc ở trong nội tâm của Tỳ Lô Giá Na Phật tuôn ra **Kim Cương Sách Bò Tát** (Vajra-pāśa-bodhisatva) hay cầm chế tất cả Tâm hôn ám, vọng tưởng, Vô Minh, phiền não. Hay cột buộc tất cả bánh xe Khổ khiến cho được giải thoát. Lại hay Đẳng Dẫn Thiên Định Đại Bò Đề Tâm, tất cả Ấn Chúng đều đến tập hội, cõi Phật nhiều như bụi nhỏ thấy đều giáng lâm Mạn Trà La Đạo Trường để cùng làm Phật sự.



Tượng Ấn là: Ngoại Phộc, duỗi ngón cái phải vào trong hở khẩu, giữa ngón cái trái và ngón trở trái.



Chân Ngôn là:

ॐ ह्रीं ह्रीं
ĀHI HŪM HŪM

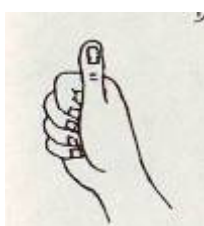
42_ Đại Tinh Tiên Bồ Tát (Śūra hay Śūraṅgama):

Chữ chủng tử là: VI (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: cây kích Độc Cổ. Biểu thị cho việc y theo ngôn thuyết của Như Lai mà tinh tiến bền chắc



Tượng Ấn là: Tay phải nắm quyền, dựng đứng ngón cái nâng lên ngang đầu



Chân Ngôn là:

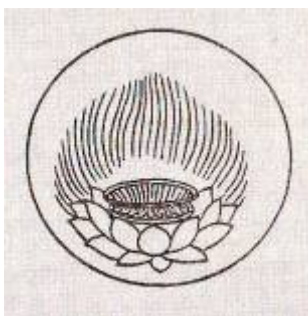
ॐ सु॒र॑य स्व॒हा ॐ

OM_ ŚŪRĀYA SVĀHĀ _ VI

43_ Hương Tượng Bồ Tát (Gandha-hāstin):

Chữ chủng tử là: GA (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Bát Khí (cái bình bát). Biểu thị cho sức mạnh to lớn của Giới Hương



Tượng Ấn là: Bát Ấn



Chân Ngôn là:

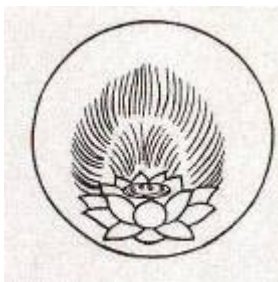
ॐ ग॒न्ध॑रु स्व॒हा ॐ

OM_ GANDHA-HĀSTINI SVĀHĀ _ GA

44_ Vô Lượng Quang Bồ Tát (Amita-prabha):

Chữ chủng tử là: A (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Quang Minh Liên Hoa. Biểu thị cho ánh sáng rực lửa của Pháp Trí, xa lìa tất cả sự ô uế.



Tượng Ấn là: Bát Ấn



Chân Ngôn là:

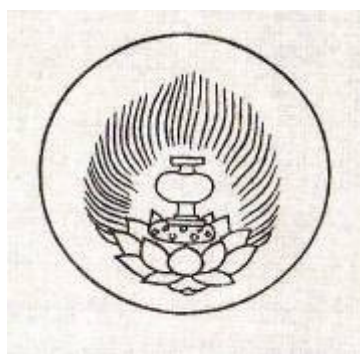
ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM_ AMITA-PRABHA SVĀHĀ_ A

45_ Hiền Hộ Bồ Tát (Bhadra-pāla):

Chữ chủng tử là: PRA (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Hiền Bình. Biểu thị cho việc dùng nước Trí tưới vẩy chúng sinh khiến cho thanh tịnh.



Tượng Ấn là: Tay phải nắm Kim Cương Quyền, ngón cái như Hiền Bình, quyền trái để ở eo.



Chân Ngôn là:

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM_ BHADRA-PĀLAYA SVĀHĀ_ PRA

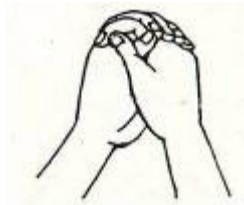
46_ Kim Cương Tỏa (Vajra-sphoṭa):

Chữ chủng tử là: VAM (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Chính giữa có chày Tam Cổ của cái vòng. Biểu thị cho việc Tỳ Lô Giá Na Phật ở trong nội tâm tuôn ra **Kim Cương Tỏa Bồ Tát** (Vajra-sphoṭa-bodhisatva). Cái khóa ấy là nghĩa của chế chỉ hay đóng tất cả các cửa nẻo ác, khởi Đại Từ Bi. Đối với tất Hữu Tình sinh lòng cứu hộ, hay cột buộc tất cả mọi Án và dùng **Như Lai Sứ** đều do giải thoát, được Đại Niết Bàn. Lại khiến cho Như Lai của Hải Hội nhiều như bụi nhỏ ở trong Đạo Trường này trụ Tâm Tam Ma Địa đồng với Hội Phật Mật Nghiêm làm Đại Phật Sự



Tướng Án là: Ngoại Phộc, hai ngón cái và hai ngón trỏ cùng vịn nhau như hình cái khóa



Chân Ngôn là:

ॐ ॐ ॐ ॐ

HE SPHOṬA VAM

47_ Vông Minh Bồ Tát (Jālinī-prabha):

[Bản khác ghi là Quang Vông Bồ Tát]

Chữ chủng tử là: JAḤ (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: La vông (cái lưới). Biểu thị cho việc giăng cái lưới của tám vạn Giáo Pháp để cứu độ chúng sinh



Tượng Ấn là: Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Ấn



Chân Ngôn là:

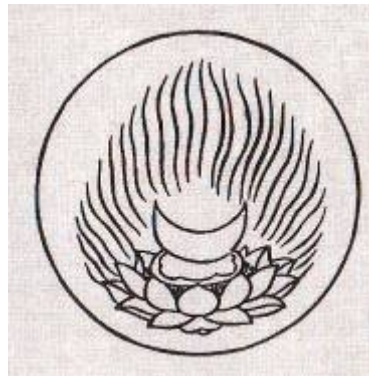
ॐ ऋणि प्रस्य स्रस्र ऋ

OM_ JĀLINĪ-PRABHĀYA SVĀHĀ_ JAḤ

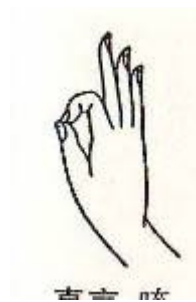
48_ Nguyệt Quang Bồ Tát (Candra-prabha):

Chữ chung tử là: YA (𑖦)

Tam Muội Gia Hình là: Nửa vầng trăng. Biểu thị cho việc phóng tỏa ánh sáng soi chiếu chúng sinh trong nẻo hắc ám, khiến cho họ hướng về Trí Tuệ của Phật Quả



Tượng Ấn là: Tay phải tác Thanh Liên Hoa Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ वस्र प्रस्य स्रस्र य

OM_ CANDRA-PRABHĀYA SVĀHĀ_ YA

49_ Kim Cương Tạng Bồ Tát (Vajra-garbha):

Chữ chung tử là: VI (𑖦)

Tam Muội Gia Hình là: bốn cái Chày Độc Cỗ xếp thành hình vuông. Biểu thị cho vạn Trí nhiếp vào trong 4 Trí



Tượng Ấn là: Ngoại Ngũ Cổ Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ वज्र गण्डय स्वहा ॐ

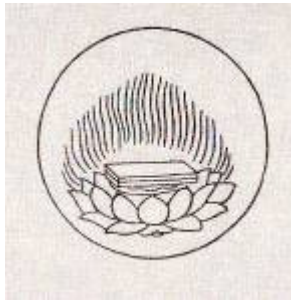
OM_VAJRA-GARBHĀYA SVĀHĀ_VI

50_ Vô Tận Ý Bồ Tát (Akṣaya-mati):

[Bản khác ghi là Văn Thù Bồ Tát (Mañjuśrī)]

Chữ chủng tử là: JÑA (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Rương Kinh Phạn. Biểu thị cho Trí Tuệ của Như Lai



Tượng Ấn là: Phạn Khiếp Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ गण्डय मण्डय स्वहा ॐ

OM_AKṢAYA-MATĀYE SVĀHĀ_JÑA

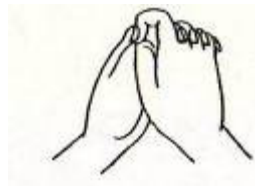
51_ Kim Cương Linh (Vajra-aveśa):

Chữ chủng tử là: HOH (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Cái chuông Ngũ Cổ. Biểu thị cho việc Tỳ lô Giá Na Phật ở trong nội tâm tuôn ra **Kim Cương Linh Bồ Tát** (Vajra-ghaṃṭa-bodhisatva) cầm giữ cái ánh quang minh mà cúng dường, phát sanh vô lượng âm vi diệu, tất cả Thánh Chúng nghe được thấy đều vui vẻ. Chữ ÁC (ॐ _ AH) của chư Phật là chủng tử hay biến nhập (vào khắp) trong thân tâm của tất cả Như Lai. Ánh như gương trong sáng, ở trong ruộng thân của vô lượng Hữu Tình làm hạt giống Đại Trí, hay ở nơi chư Phật xả thân mà làm tôi tớ thừa sự cúng dường, ở trong Tam Ma Địa vui thích hoan lạc .



Tướng Ấn là: Hai tay tác Kim Cương Ngoại Phộc, đưa hai ngón cái vào trong lòng bàn tay.



Chân Ngôn là:

ॐ ॐ ॐ

GHAMṬA AH AH

52_ Biện Tích Bồ Tát (Pratibhāna-kuṭa)

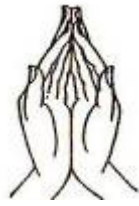
[Bản khác ghi là **Văn Thù Bồ Tát** (Mañjuśrī) hay Trí Tích Bồ Tát]

Chữ chủng tử là: VA (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Đám mây. Biểu thị cho mây Trí Tuệ thấm nhuần khắp cả



Tượng Ấn là: Bát Ấn, tượng ở ngón giữa có đám mây ngũ sắc



Chân Ngôn là:

ॐ प्रतिभानाकुटाय स्वहा व

OM_PRATIBHĀNA-KUTĀYA SVĀHĀ_VA

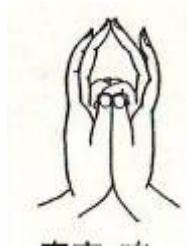
53_ Phổ Hiền Bồ Tát (Samanta-bhadra):

Chữ chung tử là: A (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: cây kiếm. Biểu thị cho Đức Niết Bàn của Như Lai, xa lìa tất cả phiền não



Tượng Ấn là: Nội Ngũ Cổ Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ समन्तभद्राय स्वहा ॐ

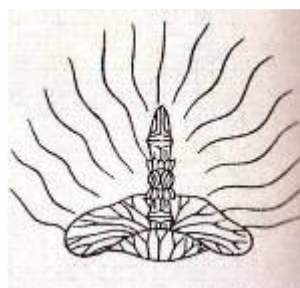
OM_SAMANTA-BHADRĀYA SVĀHĀ_A

5 cõi Trời ở Phương Đông (từ trái qua phải)

54_ Đế Thích Thiên (Śakra):

Chữ chung tử là: DHA (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: chày Độc Cổ



Tượng Ấn là: Nhẫn Nhục Ba La Mật Ấn



Chân Ngôn là:

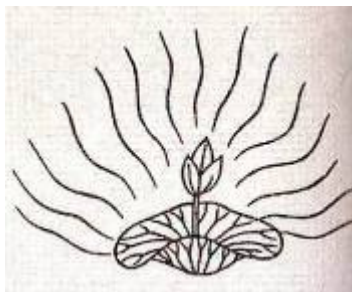
ॐ वज्रयुद्ध सूक्त

OMĪ _ VAJRA-YUDHA SVAØHAØ

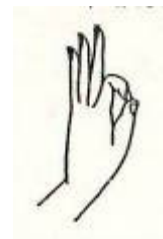
55_ Phạm Thiên (Brahma):

Chữ chung tử là: MO (𑖓)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen hồng



Tượng Ấn là: Nguyệt Diệu Ấn



Chân Ngôn là:

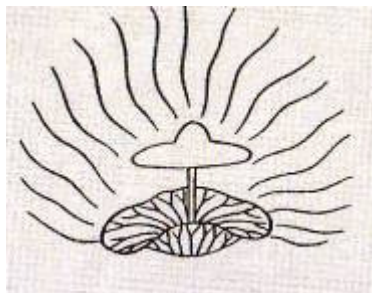
ॐ वज्रमौन सूक्त

OMĪ _ VAJRA-MAUNA SVĀHĀ

56_ Kim Cương Tội Thiên (Vajra-vikirāṇa):

Chữ chung tử là: MO (𑖓)

Tam Muội Gia Hình là: Dù Lọng (tân cái). Biểu thị cho việc che giúp tất cả chúng sinh, tội phá mọi loại chướng nạn.



Tượng Ấn là: Bạch Tân Cái Phật Đỉnh Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रगुह्यं स्वहा

OM _ VAJRA-GUDHA SVÀHÀ

57_ Câu Ma La Thiên (Kumāra):

Chữ chủng tử là: GHA (ॠ)

Tam Muội Gia Hình là: Cái chuông



Tượng Ấn là: Quyền trái đẽ eo, 5 ngón tay phải co móc hướng xuống dưới, đưa ngón cái vào khoảng giữa của 4 ngón, 4 ngón tay làm cái chuông, ngón cái là hạt của chuông (Linh Tử) như hình đánh chuông.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रघण्टा स्वहा

OM _ VAJRA-GHAMṬA SVĀHĀ

58_ Na La Diên Thiên (Nārāyaṇa):

Chữ chủng tử là: MAḤ (ॡ)

Tam Muội Gia Hình là: Bánh xe tám căm



Tướng Ấn là: Tay trái nắm quyền để ngang eo, tay phải duỗi 5 ngón mở đứng cách nhau ngay phía trước, đầu ngón hướng ra ngoài, mặt quyền hướng bên phải mặt đất ba lần.



Chân Ngôn là:

ॐ वल वज्र स्वहा

OM_BALA-VAJRA SVĀHĀ

5 cõi Trời ở phương Nam (từ trên xuống dưới)

59_ Huỳnh Hoặc Thiên (Piṅgala):

Chữ chủng tử là: VI (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Đám lửa



Tướng Ấn là: Hai tay kết Bát Ấn, tương phóng ánh sáng lửa



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रयज्ञ स्वहा

OM_VAJRA-PIṅGALA SVĀHĀ

60_ Tuệ Tinh Thiên (Ketu):

Chữ chủng tử là: YA (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: cây gậy



Tượng Ấn là: Hai tay tác Nội Phộc, kèm đứng hai ngón giữa.



Chân Ngôn là:

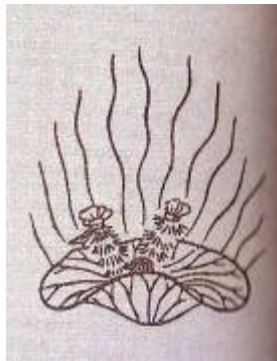
ॐ वज्रमुसला स्वहा

OM_ VAJRA-MUSALA SVĀHĀ

61_ Kim Cương Thực Thiên (Vajra-bhakṣam):

Chữ chủng tử là: YA (𑖦)

Tam Muội Gia Hình là: Vòng hoa



Tượng Ấn là: Ngoại Phộc, đưa từ rốn đến miệng rồi bung tán.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रमाला स्वहा

OM_ VAJRA-MĀLA SVĀHĀ

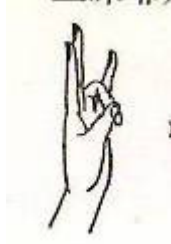
62_ Nguyệt Thiên (Candra):

Chữ chủng tử là: PA (𑖣)

Tam Muội Gia Hình là: Nửa vành trăng



Tượng Ấn là: Tay trái tác Nguyệt Thiên Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रप्रभ सुह

OM _ VAJRA-PRABHA SVĀHĀ

63_ Nhật Thiên (Āditya):

Chữ chứng tử là: KU (कु)

Tam Muội Gia Hình là: Vành mặt trời



Tướng Ấn là: Nhật Thiên Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रकुण्डल सुह

OM _ VAJRA-KUNḌALI SVĀHĀ

5 cõi Trời ở phương Tây (từ trái qua phải)

64_ La Sát Thiên (Rākṣasa):

Chữ chứng tử là: DAM (दम)

Tam Muội Gia Hình là: cây gậy



Tượng Ấn là: Tay trái tác Đạo Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रदण्डं सूक्तं

OM_VAJRA-DANḌA SVĀHĀ

65_ Phong Thiên (Vāyu):

Chữ chủng tử là: NI (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Phong Tràng



Tượng Ấn là: Phong Thiên Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रदण्डं सूक्तं

OM_VAJRĀNILA SVĀHĀ

66_ Kim Cương Y Thiên (Vajra-vaśi):

Chữ chủng tử là: VAM (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Cung tên



Tượng Ấn là: Hai tay tác Nội Phộc, dựng hai ngón giữa, co ngón giữa trái như cây cung, hơi gập ngón giữa phải đè lóng giữa của ngón giữa trái như mũi tên



Chân Ngôn là:

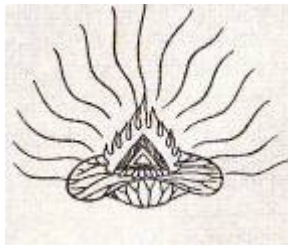
ॐ वज्रवशि स्वहा

OM_VAJRA-VAŚI SVĀHĀ

67_ Hỏa Thiên (Agni):

Chữ chứng tử là: NAM (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Tam Giác Ấn



Tượng Ấn là: Tay phải tác Thí Vô Úy Ấn, co ngón cái vào tâm lòng bàn tay, ngón trỏ tác câu triệu, ngang vai phải. Tay trái đem ngón giữa, ngón cái chụm lại thành dạng Tam Giác, kèm đuôi ba ngón còn lại, mặt ấn ngửa lên lên ngang trái tim .



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रवज्र स्वहा

OM_VAJRA-ANALA SVĀHĀ

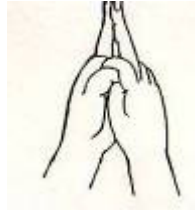
68_ Đa Văn Thiên (Vaiśravaṇa):

Chữ chứng tử là: VAI (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: cây gậy báu



Tượng Ấn là: Phở Thông Căn Bản Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रै र व स्र

OM_VAJRA- BHAIRAVA SVĀHĀ

5 cõi Trời ở phương Bắc (từ trên xuống dưới)

69_ Kim Cương Điện Thiên (Vajra-mukha):

Chữ chủng tử là: KU (कु)

Tam Muội Gia Hình là: Móc câu Kim Cương Tam Cổ



Tượng Ấn là: Tay phải nắm quyền, duỗi ngón trở như hình móc câu



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रकु र स्र

OM_VAJRĀMKUŚA SVĀHĀ

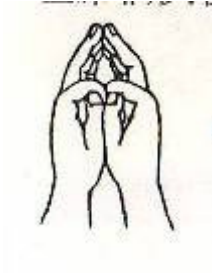
70_ Diễm Ma Thiên (Yama):

Chữ chủng tử là: KA (क)

Tam Muội Gia Hình là: Đàn Noa (Daṇḍa: cây gậy đầu lâu)



Tượng Ấn là: Đàn Noa Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रकाल स्वहा

OM_VAJRA-KĀLA SVĀHā

71_ Điều Phục Thiên (Vajra-jaya):

Chữ chủng tử là: JA (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Cây Kiếm Tam Cổ



Tượng Ấn là: Dao Ấn



Chân Ngôn là:

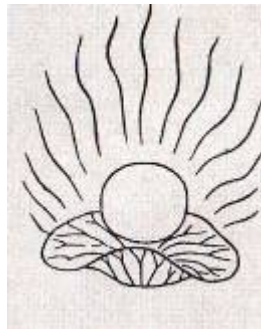
ॐ वज्रजय स्वहा

OM_VAJRA-JAYA SVĀHĀ

72_ Tỳ Na Dạ Ca (Vināyaka):

Chữ chủng tử là: VI (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Rễ cây củ cải (La Bộc Căn)



Tượng Ấn là: Tỳ Na Dạ Ca Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ ह्रीं गौ हूं स्वहा

OM_HRĪḤ GAḤ HŪḤ SVĀHĀ

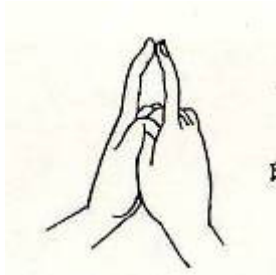
73_ Thủy Thiên (Varuṇa):

Chữ chủng tử là: NA (ॢ)

Tam Muội Gia Hình là: Sợi dây Ròng (Long Sách)



Tượng Ấn là: Thủy Thiên Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ नमो वाज्रं स्वहा

OM_NĀGA-VAJRA SVĀHĀ